

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH
KHOA SƯ PHẠM**

BÀI GIẢNG
(Lưu hành nội bộ)

**QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÀNH
GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO**
(Dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học)

**Tác giả: Nguyễn Thị Xuân Hương
Nguyễn Thị Diễm Hằng**

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC, QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC.....	2
1.1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.....	2
1.2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC.....	11
1.3. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.....	22
1.4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC.....	27
1.5. CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.....	41
CHƯƠNG 2. ĐƯỜNG LỐI, QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.....	43
2.1. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN GIẢI QUYẾT TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HIỆN NAY.....	43
2.2. NHỮNG QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VỀ SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.....	48
2.3. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC.....	49
2.4. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC.....	50
3.1. ĐIỀU LỆ TRƯỜNG TIỂU HỌC.....	56
3.2. QUY ĐỊNH, QUY CHẾ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI GIÁO DỤC TIỂU HỌC.....	57
3.3. CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC.....	58
CHƯƠNG 4. LUẬT GIÁO DỤC.....	66
4.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH LUẬT GIÁO DỤC.....	66
4.2. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT GIÁO DỤC.....	69

CHƯƠNG 5. THỰC TIỄN GIÁO DỤC VIỆT NAM.....	72
5.1. THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ YÊU CẦU PHÁT TRIỂN CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC Ở VIỆT NAM.....	72
5.2. THÀNH TỰU VÀ YÊU CẦU PHÁT TRIỂN CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC TỈNH QUẢNG BÌNH.....	73
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	89

Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC, QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

1.1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1.1.1. Lý luận chung về nhà nước

1.1.1.1. Nguồn gốc của nhà nước

Nguồn gốc của nhà nước là câu hỏi được đặt ra từ rất xa xưa, đã có nhiều nhà triết học cố gắng tìm cách giải thích, nhưng do hạn chế về lịch sử và thế giới quan, những giải thích này đều không đi vào bản chất xã hội của quá trình hình thành nhà nước.

C Mác và F. Ăngghen, với quan điểm duy vật lịch sử, là những người đầu tiên chứng minh một cách khoa học về nguồn gốc của nhà nước. Các ông cho rằng nhà nước xuất hiện khi xã hội loài người đã phát triển đến một trình độ nhất định. Nhà nước không phải là phạm trù bất biến, mà luôn vận động, phát triển và sẽ tiêu vong khi những điều kiện khách quan cho sự tồn tại của nó không còn nữa.

Trong nhiều tác phẩm của mình, các nhà sáng lập Chủ nghĩa Cộng sản khoa học đã khẳng định: Trong xã hội nguyên thủy chưa từng tồn tại nhà nước. Thích ứng với tình trạng kinh tế thấp kém, xã hội chưa có sự phân hoá giai cấp, tồn tại các tổ chức thị tộc, bộ lạc. Đứng đầu các tổ chức đó là các tộc trưởng, tù trưởng do các thành viên thị tộc, bộ lạc bầu ra. Quyền lực của người đứng đầu cơ quan quản lý xã hội dựa vào sức mạnh đạo đức uy tín và chức năng lãnh đạo.

Trong thời kỳ cộng sản nguyên thủy, quản lý xã hội chưa mang tính chính trị, người đứng đầu không phải là người cai trị. Họ không có đặc quyền, đặc lợi cá nhân. Họ thực hiện vai trò của mình theo ý chí và quyết định của nhân dân. Thể chế xã hội trong thời kỳ cộng

sản nguyên thủy là thể chế tự quản của nhân dân, mặc dù nhà nước chưa ra đời nhưng xã hội vẫn tồn tại trong vòng trật tự.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất, trước hết là công cụ lao động đã giúp cho con người có thể sản xuất ra một lượng sản phẩm tiêu dùng nhiều hơn so với nhu cầu tối thiểu đối với sự tồn tại của mình. Sự dư thừa sản phẩm tương đối chính là cơ sở khách quan làm nảy sinh ở những người có quyền hành trong thị tộc bộ lạc, sự ham muốn chiếm đoạt làm của riêng và họ đã sử dụng quyền lực trong tay để thực hiện khát vọng đó. Đây chính là nguyên nhân thúc đẩy sự phân hoá xã hội. Một khi các giai cấp xuất hiện thì mối quan hệ bình đẳng trước đây đã bị đảo lộn, sự đối kháng giai cấp xuất hiện và ngày càng phát triển tăng lên.

Chủ nô và nô lệ là hai giai cấp đối kháng, lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử loài người. Cuộc đấu tranh giai cấp dẫn đến nguy cơ là không những họ tiêu diệt nhau mà tiêu diệt luôn cả xã hội. Để điều đó không xảy ra, một cơ quan đặc biệt ra đời đó là nhà nước – một thiết chế có tiền thân từ những tổ chức phi chính trị trong xã hội thị tộc, bộ lạc, vốn có chức năng bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng, giờ đây đã biến thành công cụ bảo vệ lợi ích của một giai cấp – giai cấp chủ nô.

1.1.1.2. Bản chất của nhà nước

Từ nguồn gốc xuất hiện của nhà nước, ta thấy nhà nước không phải là cơ quan điều hoà mâu thuẫn các giai cấp đối kháng, mà ngược lại, sự ra đời của nhà nước làm cho mâu thuẫn giai cấp ngày càng sâu sắc hơn và không thể điều hoà được. Trong điều kiện xã hội có giai cấp đối kháng thì cuộc đấu tranh này ngày càng trở lên gay gắt, chế độ nhân dân tự quản không còn phù hợp, nó phải được thay thế bằng nhà nước.

Nhà nước ra đời làm cho sự xung đột giai cấp diễn ra trong vòng “trật tự”, duy trì chế độ kinh tế, trong đó giai cấp này được quyền bóc lột giai cấp khác. Do đó, nhà nước đương nhiên là do giai cấp thống trị, có thể lực kinh tế lập ra. Trong chế độ chiếm hữu nô lệ, nhờ có nhà nước, giai cấp chủ nô trở thành giai cấp thống trị cả về chính trị.

Như vậy, nhà nước là tổ chức chính trị của giai cấp đang thống trị về kinh tế, nhằm bảo vệ trật tự đang có và đàn áp sự phản kháng của giai cấp khác. “Nhà nước chẳng qua chỉ là bộ máy của một giai cấp này dùng để trấn áp một giai cấp khác”(1). Luận điểm này của C. Mác đã làm rõ bản chất của nhà nước.

Nhà nước có hai tính chất quan trọng là tính giai cấp và tính xã hội. Tính giai cấp là thuộc tính cơ bản, nó thể hiện bản chất của nhà nước. Nhưng với tư cách là bộ máy thực thi quyền lực công cộng, nhằm duy trì trật tự và ổn định xã hội, nhà nước còn thể hiện tính xã hội. Bên cạnh việc chăm lo bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, nhà nước cũng buộc phải chú ý đến lợi ích chung của xã hội, giải quyết những vấn đề mà đời sống cộng đồng, xã hội đặt ra để ổn định trật tự xã hội, duy trì sự thống trị của giai cấp cầm quyền.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định về bản chất của nhà nước như sau: Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị trong xã hội có giai cấp, là công cụ chuyên chính giai cấp, với các chức năng quản lý xã hội đặc biệt, nhà nước vừa bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, vừa duy trì trật tự xã hội và phục vụ những nhu cầu thiết yếu của đời sống cộng đồng.

1.1.1.3. Đặc trưng của nhà nước

Khi so sánh nhà nước với cơ cấu tổ chức thực hiện quyền lực và quản lý các công việc chung của thị tộc, bộ lạc trong xã hội nguyên thủy, cũng như khi so sánh với các tổ chức khác trong xã hội có giai cấp cho thấy nhà nước có những đặc trưng sau đây:

a. Nhà nước là bộ máy quản lý dân cư trên một vùng lãnh thổ nhất định

Nếu các tổ chức thị tộc, bộ lạc được hình thành trên cơ sở quan hệ huyết thống thì nhà nước hình thành trên cơ sở phân chia dân cư theo địa bàn lãnh thổ nơi mà họ cư trú và được tổ chức thành các đơn vị hành chính. Việc phân chia này đảm bảo cho hoạt động quản lý của nhà nước tập trung thống nhất và chặt chẽ hơn. Đây là sự khác biệt quan trọng giữa nhà nước với các tổ chức thị tộc, bộ lạc trong xã hội cộng sản nguyên thủy trước đó.

Quyền lực nhà nước về nguyên tắc có hiệu lực đối với mọi thành viên sinh sống trên địa bàn dân cư. Từ đó hình thành chủ quyền quốc gia. Chủ quyền quốc gia là thuộc tính gắn liền với nhà nước.

b. Nhà nước thiết lập một hệ thống các cơ quan quyền lực chuyên nghiệp mang tính cưỡng chế đối với mọi thành viên trong xã hội

Để thực hiện quyền lực của mình, nhà nước đã lập ra những cơ quan hành chính và các lực lượng thuần túy trấn áp như quân đội, cảnh sát vũ trang, nhà tù... Những cơ quan cưỡng bức và cơ quan hành chính thực hiện chức năng cai trị, buộc mọi người phục tùng ý chí của giai cấp thống trị.

Khác với những người đứng đầu thị tộc, bộ lạc trong xã hội cộng sản nguyên thủy thực hiện chức năng quản lý của mình bằng sức mạnh truyền thống, đạo đức, uy tín, những người đại diện cho nhà nước thực hiện quyền lực của mình bằng sức mạnh cưỡng bức của pháp luật. Nhà nước ban hành pháp luật và sử dụng các thiết chế và công cụ bạo lực để ý chí của giai cấp thống trị được thực thi trong thực tế.

Do đó, mặc dù các cơ quan quyền lực nhà nước đều từ xã hội mà ra, nhưng chúng ngày càng thoát ly khỏi nhân dân và đứng đối lập với nhân dân.

c. Nhà nước ban hành một hệ thống thuế khoá để tạo nguồn ngân sách nuôi bộ máy nhà nước

Bộ máy nhà nước bao gồm đông đảo viên chức và cả đội quân vũ trang đông đảo – lớp người đặc biệt, tách ra khỏi lao động sản xuất để thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Họ không thể tồn tại nếu không dựa vào nguồn nhân sách bằng thu thuế.

Nhà nước là tổ chức duy nhất có tư cách là đại biểu chính thức của toàn xã hội để sự quản lý xã hội, do đó nhà nước cũng là tổ chức độc quyền thu thuế.

1.1.1.4. Chức năng của nhà nước

Chức năng của nhà nước được thể hiện qua những hoạt động chủ yếu của nhà nước, thể hiện trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ được đặt ra trước nhà nước, chức năng của nhà nước phản ánh bản chất của nhà nước.

Khi nghiên cứu tiếp cận nhà nước từ góc độ khác nhau, người ta phân chức năng của nhà nước thành các loại khác nhau.

a. Nếu tiếp cận nhà nước từ góc độ quyền lực chính trị thì nhà nước có hai chức năng là: chức năng công cụ thống trị giai cấp và chức năng xã hội

+ Chức năng công cụ thống trị giai cấp là chức năng duy trì và bảo vệ sự thống trị của giai cấp cầm quyền. Để bảo vệ quyền thống trị xã hội, giai cấp cầm quyền sẵn sàng sử dụng mọi biện pháp để trấn áp những chống đối của các giai cấp khác.

+ Chức năng xã hội của nhà nước là chức năng quản lý những hoạt động chung của xã hội, đảm bảo cho xã hội tồn tại và phát triển trong vòng trật tự nằm dưới sự quản lý của nhà nước của giai cấp cầm quyền, cũng nhằm thoả mãn những nhu cầu chung trong cộng đồng dân cư.

Trong hai chức năng trên, chức năng thống trị giai cấp giữ vị trí chi phối cả phương hướng và mức độ thực hiện chức năng xã hội của nhà nước. Mặt khác, chức năng xã hội lại là cơ sở của sự thống trị chính trị, vì sự thống trị chính trị chỉ có thể tồn tại khi nhà nước thực hiện được chức năng xã hội. Khi xã hội không có giai cấp thì những nội dung thuộc chức năng xã hội do xã hội tự đảm nhiệm, tức là xã hội do nhân dân tự quản.

b. Nếu tiếp cận từ phạm vi tác động của quyền lực, thì nhà nước có hai chức năng: đối nội và đối ngoại

+ Chức năng đối nội là những mặt hoạt động chủ yếu của nhà nước trong nội bộ đất nước, như bảo đảm trật tự xã hội, trấn áp những phần tử chống đối chế độ, bảo vệ và phát triển chế độ kinh tế, văn hoá theo lợi ích của giai cấp cầm quyền.

+ Chức năng đối ngoại thể hiện vai trò của nhà nước trong quan hệ với các quốc gia khác. Nhà nước thực hiện chức năng bảo vệ lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và lợi ích của quốc gia khi lợi ích của quốc gia không mâu thuẫn với lợi ích của giai cấp thống trị.

Chức năng đối nội và chức năng đối ngoại có quan hệ mật thiết với nhau. Trong đó chức năng đối nội là chức năng chủ yếu vì nhà nước ra đời và tồn tại do cơ cấu bên trong của mỗi quốc gia quy định và sự thống trị giai cấp được thực hiện trước hết ở địa bàn quốc gia.

Chức năng đối nội quyết định tính chất của chức năng đối ngoại, chức năng đối ngoại luôn xuất phát từ tình hình thực hiện các chức năng đối nội và phục vụ cho chức năng đối nội. Song việc thực hiện tốt các chức năng đối nội sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chức năng đối ngoại.

Để thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại, nhà nước sử dụng nhiều phương pháp hoạt động khác nhau. Tùy thuộc vào tình hình cụ thể của mỗi quốc gia, mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể, nhà nước sử dụng các phương pháp hoạt động khác nhau để thực hiện các chức năng của mình. Thông thường nhà nước sử dụng hai phương pháp chính là giáo dục thuyết phục và cưỡng chế. Cưỡng chế là phương pháp được các nhà nước bóc lột sử dụng như phương pháp chủ yếu. Ngược lại, trong các nhà nước xã hội chủ nghĩa giáo dục thuyết phục được coi là phương pháp quan trọng, cưỡng chế chỉ được sử dụng kết hợp ở một mức độ nhất định để đảm bảo cho việc quản lý xã hội có hiệu quả.

1.1.2 Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.1.2.1 Nhà nước là trung tâm quyền lực trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa

Hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay được hình thành trong quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhà nước ra đời sau cuộc cách mạng tháng 8 năm 1945. Đó là hệ thống chính trị có tính chất dân chủ nhân dân, sau khi thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, hệ thống chính trị đó chuyển sang làm nhiệm vụ của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa.

Hệ thống chính trị ở nước ta bao gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng mang tính chất chính trị.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo hệ thống chính trị, lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước là yêu cầu khách quan, là điều kiện cơ bản để đảm bảo cho hệ thống chính trị và nhà nước giữ đúng bản chất giai cấp công nhân, bảo đảm mọi quyền lực thuộc về nhân dân và bảo đảm cho con đường phát triển của xã hội Việt Nam theo đúng con đường xã hội chủ nghĩa.

+ Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là “cột trụ của hệ thống chính trị”, là “công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân”. Nhà nước vừa là cơ quan quyền lực, vừa là bộ máy chính trị – hành chính, vừa là tổ chức quản lý văn hoá xã hội của nhân dân. Nhà nước thực hiện sự quản lý xã hội bằng pháp luật và thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại.

+ Các đoàn thể quần chúng mang tính chất chính trị, các tổ chức xã hội – chính trị, đại diện cho các tầng lớp nhân dân tham gia vào việc xây dựng thể chế chính trị, xây dựng và quản lý nhà nước tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích của mình. Liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân, của cộng đồng xã hội của ta là Mặt trận Tổ quốc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân.

Như vậy, hệ thống chính trị là một thể thống nhất, việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, cải cách tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước nhất thiết phải đặt trong quan hệ với các tổ chức khác của hệ thống chính trị. Việc đổi mới một cách căn bản tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị phải xác định rõ và giải quyết các mối quan hệ sau đây:

+ Mối quan hệ giữa Đảng và nhà nước: Đảng cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo nhà nước và toàn xã hội. Đảng lãnh đạo nhà nước tức là Đảng cầm quyền, nhưng Đảng không phải là tổ chức quyền lực chính trị mang tính pháp quyền, không phải là quyền lực nhà nước. Đảng lãnh đạo nhà nước bằng đường lối chủ trương chính sách của Đảng và thông qua đội ngũ đảng viên của Đảng hoạt động trong các cơ quan nhà nước. Đảng lãnh đạo nhà nước nhưng hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật nhà nước. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật đối với toàn xã hội, nhưng hoạt động của nhà nước đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Trong quan hệ giữa nhà nước với các đoàn thể nhân dân và toàn thể nhân dân: Nhà nước là tổ chức công quyền và thực thi quyền lực chính trị. Nhưng nhà nước là công cụ để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân – nhà nước của nhân dân, nhân dân không chỉ làm chủ bằng nhà nước (dân chủ đại diện) mà còn bằng các tổ chức và hoạt động của các đoàn thể có

tính chất tự quản (dân chủ trực tiếp). Vì vậy, nhân dân là chủ thể của hệ thống chính trị và những tổ chức đại diện của các tầng lớp nhân dân tuy không mang tính chất quyền lực nhà nước nhưng có vị trí và vai trò quan trọng tạo thành “cơ sở chính trị vững chắc của chính quyền nhân dân”.

1.1.2.2. Bản chất của nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Bản chất của nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước có tính giai cấp, nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, theo pháp luật và nêu cao vai trò của pháp chế.

Nhà nước yêu cầu mọi tổ chức, mọi công dân phải tôn trọng và tuân thủ luật pháp đi đôi với phát huy các giá trị đạo đức và văn hoá dân tộc. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân có bản chất khác hẳn với bản chất nhà nước của giai cấp bóc lột. Điều này được quy định một cách khách quan từ cơ sở kinh tế và chế độ chính trị của chủ nghĩa xã hội.

Nhà nước ta mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân được thể hiện bằng toàn bộ hoạt động của nhà nước từ pháp luật, cơ chế chính sách đến những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước. Các hoạt động này đều thể hiện quan điểm của giai cấp công nhân nhằm từng bước thực hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân, phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của dân tộc là thống nhất. Sự thống nhất bắt nguồn từ bản chất của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân lãnh đạo. Sau khi giành được chính quyền thì nhân dân lao động trở thành người chủ của đất nước. Giai cấp công nhân muốn tự giải phóng mình phải đồng thời giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội. Hơn nữa, khi chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu được xác lập, nhân dân là người làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu đó thì đương nhiên mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. Vì vậy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của ta mang bản chất giai cấp công nhân, đồng thời cũng gắn bó chặt chẽ với dân tộc, nhân dân. Điều này được quán triệt, được cụ thể hoá, thể chế hoá và thực hiện trên mọi lĩnh vực mọi tổ chức và hoạt động của nhà nước. Cũng chỉ có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mang bản chất giai cấp công nhân, hoạt động theo đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản – đội tiên phong của giai cấp công nhân mới là đại biểu cho lợi ích chung của nhân dân lao động và toàn dân tộc.

Tính nhân dân của nhà nước ta thể hiện: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của ta là của dân, quyền lực thực sự ở “nơi dân” chính quyền do nhân dân lập nên và nhân dân tham gia quản lý nhà nước. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thể hiện ý chí, lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, cán bộ công chức nhà nước là công bộc của dân, tận tụy phục vụ nhân dân.

Tính dân tộc của nhà nước thể hiện ở chỗ: Trong tổ chức và hoạt động nhà nước ta kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống, bản sắc tốt đẹp của dân tộc và con người Việt Nam. Nhà nước có chính sách dân tộc đúng đắn, chăm lo lợi ích mọi mặt cho các dân tộc

trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và thực hiện đoàn kết dân tộc, coi đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân là đường lối chiến lược và là động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững quan điểm của Đảng về độc lập tự chủ trong quan hệ đối ngoại; kết hợp đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

1.1.2.3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

a. Nguyên tắc nhân dân tham gia vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội

Hiến pháp nhà nước ta nêu rõ “Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân”(Khoản 1,2 điều 28 Hiến pháp 2013). Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước. Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Việc thực hiện các quyền này do luật định. Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

b. Nguyên tắc Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Nguyên tắc này xuất phát từ bản chất giai cấp công nhân của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nó được thể hiện trong tổ chức và hoạt động của nhà nước. Đảng lãnh đạo nhà nước trước hết thông qua việc xây dựng và hoàn chỉnh cương lĩnh, chiến lược, định ra các chủ trương chính sách cho hoạt động của nhà nước và toàn xã hội để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu “dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Đảng lãnh đạo bằng tuyên truyền, thuyết phục, bằng công tác tư tưởng và tổ chức, bằng vai trò gương mẫu của đảng viên và tổ chức Đảng. Đảng xây dựng đường lối phù hợp với lợi ích của nhân dân, được nhân dân ủng hộ và thực hiện. Như vậy, thực chất sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước là sự lãnh đạo chính trị mang tính định hướng, tạo điều kiện để nhà nước tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, thực hiện chức năng quản lý bằng những công cụ, biện pháp của mình.

Đảng lãnh đạo nhà nước thông qua công tác cán bộ. Là Đảng cầm quyền nên Đảng ta lựa chọn những đảng viên ưu tú của mình tham gia vào các cơ quan nhà nước trước hết là Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp bằng con đường giới thiệu để nhân dân lựa chọn bầu ra. Vì vậy, cơ chế dân chủ cũng là thước đo uy tín và năng lực của Đảng trước xã hội và nhân dân. Đảng lãnh đạo nhà nước nhưng không “hoá thân thành nhà nước”, do vậy việc phân định rõ chức năng lãnh đạo của Đảng với vai trò quản lý của nhà nước là yêu cầu khách quan.

Song, cũng cần phải đề phòng và đấu tranh chống lại những quan điểm sai lầm muốn tách Đảng ra khỏi nhà nước, cần phải cảnh giác trước bọn cơ hội và các thế lực thù địch âm mưu xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng, xoá bỏ chủ nghĩa Mác – Lênin, đưa đất nước đi chệch khỏi mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

c. Nguyên tắc tập trung dân chủ

Đây là một nguyên tắc cơ bản đã được ghi nhận trong Hiến pháp. Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan quyền lực khác của Nhà nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Đối với Quốc hội khi phải quyết định những vấn đề hệ trọng, các đại biểu thường cân nhắc đến:

- Lợi ích của cả nước khi biểu quyết lựa chọn một phương án trong nhiều phương án được đề xuất.

- Lợi ích của địa phương, ngành, khi biểu quyết các đại biểu không chỉ thể hiện ý chí của cả nước mà còn chú ý tới nguyện vọng của cử tri nơi đã bầu ra họ.

Do những chi phối đó nên Quốc hội không có cách nào tốt hơn là biểu quyết theo nguyên tắc đa số. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt của Quốc hội là thiểu số phục tùng đa số trong mọi trường hợp.

Đối với Chính phủ: Chính phủ vừa là thiết chế làm việc với chế độ tập thể quyết định theo đa số về những vấn đề quan trọng, vừa đề cao vai trò cá nhân của Thủ tướng Chính phủ - người quyết định những vấn đề trong điều hành công việc thường xuyên của Chính phủ. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động của Chính phủ vừa đảm bảo sự lãnh đạo tập thể, vừa đảm bảo sự quản lý của người đứng đầu Chính phủ.

Đối với cơ quan tư pháp: Trong các hoạt động xét xử, nguyên tắc tập trung dân chủ đòi hỏi thực hành đúng quan hệ làm việc giữa thẩm phán, hội thẩm và các thành viên khác trong hoạt động tố tụng, xác lập quan hệ giữa các cấp xét xử, quan hệ giữa các cơ quan điều tra v.v...

Quản trịệt nguyên tắc tập trung dân chủ là yếu tố đảm bảo hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước ta trên cơ sở phát huy tính chủ động sáng tạo của các cơ quan trung ương cũng như ở địa phương.

d. Nguyên tắc pháp chế

Nhà nước quản lý xã hội bằng Pháp luật; không ngừng tăng cường và phát huy vai trò của Pháp chế Xã hội chủ nghĩa trong hoạt động quản lý của mình. Pháp luật phải được thực hiện nghiêm minh trong cuộc sống, từ các cơ quan nhà nước đến các tổ chức xã hội và công dân.

Để đảm bảo thực hiện nguyên tắc pháp chế trong tổ chức và hoạt động của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đòi hỏi:

- *Thứ nhất*, nhà nước phải ban hành các văn bản pháp luật một cách kịp thời và có hệ thống. Nhà nước và pháp luật là hai mặt thống nhất, thống nhất giữa chủ thể và phương tiện. Để nhà nước hoạt động đảm bảo nguyên tắc pháp chế, các văn bản luật và các văn bản pháp quy để thi hành luật (văn bản dưới luật) phải được ban hành kịp thời và đồng bộ.